

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH ĐẦU VÀO THEO KHUNG NĂNG LỰC
NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM TRONG TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CỦA ĐHQĐN, KỲ THI
NGÀY 13/12/2025

Địa điểm thi: **Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQĐN (131 Lương Nhữ Hộc, Phường Cẩm Lệ, Đà Nẵng)**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng	Thí sinh của Trường
1	131201	Trà Trung Anh	01/11/1989	Nam	01 (HB503)	ĐHBK
2	131202	Ôn Hồ Đan Dương	01/01/1997	Nam	01 (HB503)	ĐHBK
3	131203	Nguyễn Kiên Giang	18/08/1983	Nam	01 (HB503)	ĐHBK
4	131204	Huỳnh Đức Hoàng	05/02/1993	Nam	01 (HB503)	ĐHBK
5	131205	Nguyễn Quốc Hoàng	13/01/2003	Nam	01 (HB503)	ĐHBK
6	131206	Nguyễn Minh Huy	30/08/2002	Nam	01 (HB503)	ĐHBK
7	131207	Hồ Văn Khải	17/01/1998	Nam	01 (HB503)	ĐHBK
8	131208	Nguyễn Trọng Lập	14/07/1981	Nam	01 (HB503)	ĐHBK
9	131209	Y Si Mon Nay	20/08/2003	Nam	01 (HB503)	ĐHBK
10	131210	Đỗ Thị Kim Ngân	15/10/1994	Nữ	01 (HB503)	ĐHBK
11	131211	Hồ Ngọc Bảo Nhi	26/10/2000	Nữ	01 (HB503)	ĐHBK
12	131212	Hà Duy Thạch	10/02/1993	Nam	01 (HB503)	ĐHBK
13	131213	Phạm Thị Thùy Trang	12/04/1997	Nữ	01 (HB503)	ĐHBK
14	131214	Nguyễn Thị Kim Chi	24/03/2001	Nữ	01 (HB503)	ĐHKT
15	131215	Nguyễn thị Tuyết Dung	11/12/1998	Nữ	01 (HB503)	ĐHKT
16	131216	Lê Thị Giang	18/07/1992	Nữ	01 (HB503)	ĐHKT
17	131217	Phạm Văn Hạnh	16/01/1977	Nam	01 (HB503)	ĐHKT
18	131218	Nguyễn Thị Thu Hiền	25/08/2000	Nữ	01 (HB503)	ĐHKT
19	131219	Võ Chí Hiếu	18/11/2003	Nam	01 (HB503)	ĐHKT
20	131220	Trần Đăng Hùng	05/04/1993	Nam	01 (HB503)	ĐHKT
21	131221	Trần Xuân Huy	16/04/2000	Nam	01 (HB503)	ĐHKT
22	131222	Phạm Lâm Phương Linh	23/12/2001	Nữ	01 (HB503)	ĐHKT
23	131223	Lê Hoài Phương Linh	14/05/1991	Nữ	01 (HB503)	ĐHKT
24	131224	Lê Thị Thanh Nga	30/08/1994	Nữ	01 (HB503)	ĐHKT
25	131225	Đỗ Thị Kim Ngân	23/09/1992	Nữ	01 (HB503)	ĐHKT
26	131226	Tạ Hoàng Kim Ngân	20/05/2003	Nữ	01 (HB503)	ĐHKT
27	131227	Ngô Thị Thanh Ngân	04/06/2002	Nữ	01 (HB503)	ĐHKT
28	131228	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	02/11/1994	Nữ	01 (HB503)	ĐHKT
29	131229	Trần Thị Ý Nhi	25/05/1995	Nữ	02 (HC503)	ĐHKT
30	131230	Lê Uyên Phương	18/06/2003	Nữ	02 (HC503)	ĐHKT
31	131231	Phạm Xuân Quang	15/03/1978	Nam	02 (HC503)	ĐHKT
32	131232	Trịnh Thị Như Quỳnh	16/01/2000	Nữ	02 (HC503)	ĐHKT
33	131233	Nguyễn Kim Hoàng Vỹ	28/01/1998	Nam	02 (HC503)	ĐHKT
34	131234	Lê Thị Yến	03/08/1999	Nữ	02 (HC503)	ĐHKT
35	131235	Nguyễn Thị An	29/08/1978	Nữ	02 (HC503)	ĐHSP
36	131236	Nguyễn Lan Anh	02/09/1991	Nữ	02 (HC503)	ĐHSP
37	131237	Võ Hà Quỳnh Anh	08/03/1991	Nữ	02 (HC503)	ĐHSP
38	131238	Nguyễn Ngọc Hà Châu	04/12/1987	Nữ	02 (HC503)	ĐHSP
39	131239	Phan Thị Quý Chung	15/01/1984	Nữ	02 (HC503)	ĐHSP
40	131240	Nguyễn Thị Diệu	28/02/1991	Nữ	02 (HC503)	ĐHSP
41	131241	Lê Văn Đỉnh	15/03/1981	Nam	02 (HC503)	ĐHSP
42	131242	Cao Thị Phương Dung	08/11/1988	Nữ	02 (HC503)	ĐHSP
43	131243	Đỗ Thị Mỹ Dung	15/06/1984	Nữ	02 (HC503)	ĐHSP

TT	SBD	Họ	và tên	Ngày sinh	Giới tính	Phòng	Thí sinh của Trường
44	131244	Mai Thanh	Hảo	20/12/2000	Nữ	02 (HC503)	ĐHSP
45	131245	Huỳnh Thị Thái	Hiền	13/11/2001	Nữ	02 (HC503)	ĐHSP
46	131246	Nguyễn Thị Thu	Hiền	24/09/1979	Nữ	02 (HC503)	ĐHSP
47	131247	Trần Văn	Hiếu	08/11/1980	Nam	02 (HC503)	ĐHSP
48	131248	Ngô Văn	Hội	23/08/1983	Nam	02 (HC503)	ĐHSP
49	131249	Đinh Lan	Hương	26/09/1982	Nữ	02 (HC503)	ĐHSP
50	131250	Nguyễn Thị Thiên	Hương	31/08/1997	Nữ	02 (HC503)	ĐHSP
51	131251	Bùi Thị Lệ	Huyền	17/06/1974	Nữ	02 (HC503)	ĐHSP
52	131252	Phạm Nguyên Thanh	Huyền	11/02/1994	Nữ	02 (HC503)	ĐHSP
53	131253	Dương	Khánh	08/06/1992	Nam	02 (HC503)	ĐHSP
54	131254	Võ Tuấn	Kiệt	28/06/1999	Nam	02 (HC503)	ĐHSP
55	131255	Trần Thị Mỹ	Lệ	18/06/1991	Nữ	02 (HC503)	ĐHSP
56	131256	Lê Đình	Lượng	28/08/1994	Nam	02 (HC503)	ĐHSP
57	131257	Hoàng Thị Tiểu	Mai	02/08/1989	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
58	131258	Nguyễn Ngọc	Nam	05/09/1997	Nam	03 (HC504)	ĐHSP
59	131259	Hồ Thị Bích	Ngân	09/04/1996	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
60	131260	Phan Thị Ngọc	Ngân	04/09/1993	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
61	131261	Dương Thị Hoàng	Oanh	11/07/1991	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
62	131262	Nguyễn Thị Thu	Phương	02/04/1983	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
63	131263	Phan Thị	Phương	09/10/1985	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
64	131264	Nguyễn Thị	Phượng	01/03/1994	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
65	131265	Nguyễn Thị	Quý	25/06/1993	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
66	131266	Đặng Thị Lệ	Quyên	02/02/1989	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
67	131267	Nguyễn Hữu	Quyên	02/08/1984	Nam	03 (HC504)	ĐHSP
68	131268	Nguyễn Thị	Quỳnh	11/08/1994	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
69	131269	Đào Thị	Tâm	24/11/1978	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
70	131270	Nguyễn Đoàn Minh	Tâm	02/05/2000	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
71	131271	Võ Thị Thanh	Tâm	08/04/1987	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
72	131272	Nguyễn Thị	Thái	26/06/1977	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
73	131273	Nguyễn Tiến	Thành	23/06/1971	Nam	03 (HC504)	ĐHSP
74	131274	Đặng Thị Thanh	Thủy	18/10/1988	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
75	131275	Lê Thị	Thủy	16/01/1991	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
76	131276	Trương Thị Thu	Thủy	20/10/1983	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
77	131277	Cao Thị Thuý	Tiên	27/06/1993	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
78	131278	Lê Thị Tuyết	Trinh	19/08/1994	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
79	131279	Lê Minh	Tùng	19/05/1982	Nam	03 (HC504)	ĐHSP
80	131280	Lê Thị Hoàng	Uyên	18/06/1983	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
81	131281	Nguyễn Thị Châu	Vân	06/08/1983	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
82	131282	Nguyễn Thị Hồng	Vân	02/10/1991	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
83	131283	Nguyễn Thị Thục	Vy	15/10/2000	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
84	131284	Nguyễn Thị Minh	Xuân	07/03/1996	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP
85	131285	Trần Thế	Tài	21/10/1986	Nam	03 (HC504)	ĐHKT
86	131286	Nguyễn Thị Thảo	Vy	25/04/2003	Nữ	03 (HC504)	ĐHSP

Danh sách có 86 thí sinh./.

Lưu ý: Định chính thông tin của thí sinh: Trong trường hợp phát hiện thông tin bị thiếu/sai sót, thí sinh báo cho cán bộ coi thi và thực hiện việc bổ sung/điều chỉnh các sai sót về thông tin dự thi tại phòng thi. Sau khi công bố kết quả thi, các đề nghị điều chỉnh thông tin của thí sinh sẽ không được chấp nhận.